Mẫu số 09
Mã hiệu:.....
Số: CKNH038.....

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/Uỷ nhiệm chi số RDT/2024/172 ngày 28 tháng 11 năm 2024)

Tài khoản dự toán ☑ **Tài khoản tiền gửi:** ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường THPT Hùng Vương.....
2. Mã đơn vị: 1008431.....
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 63610000585370 tại: NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN Ban Mê.....

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chi lương, phụ cấp truy lĩnh tăng lương cơ sở từ tháng 07 đến tháng 11 năm 2024

(Đơn vị: Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng số			**905.984.079**	**905.984.079**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
I.	**Đối với công chức, viên chức**			**905.984.079**	**905.984.079**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	VƯƠNG XUÂN HỒNG	63610000538444	NH TMCP BIDV, CN BM	21.206.340	21.206.340							
2	NGUYỄN HOÀNG NAM	63610000097389	NH TMCP BIDV, CN BM	19.953.651	19.953.651							
3	TRẦN VĂN AN	63610000095116	NH TMCP BIDV, CN BM	18.385.880	18.385.880							
4	NGUYỄN V.DUY THIỆU	63610000097112	NH TMCP BIDV, CN BM	18.648.772	18.648.772							
5	LÊ THỊ NHUNG	63610000097343	NH TMCP BIDV, CN BM	14.238.650	14.238.650							
6	NGUYỄN TUẤN ANH	63610000094982	NH TMCP BIDV, CN BM	14.151.194	14.151.194							
7	NGUYỄN THỊ THU	63610000097246	NH TMCP BIDV, CN BM	14.151.194	14.151.194							
8	NGUYỄN TRÍ THỨC	63610000094885	NH TMCP BIDV, CN BM	14.606.924	14.606.924							
9	PHẠM THỊ THUỶ	63610000094867	NH TMCP BIDV, CN BM	14.063.738	14.063.738							
10	VŨ THỊ HỒNG HẠNH	63610000094821	NH TMCP BIDV, CN BM	13.976.283	13.976.283							
11	LÊ HỮU NĂM	63610000094788	NH TMCP BIDV, CN BM	16.468.002	16.468.002							
12	HOÀNG THỊ HẢO	63610000097316	NH TMCP BIDV, CN BM	18.232.668	18.232.668							
13	HÀ VĂN TIẾP	63610000097431	NH TMCP BIDV, CN BM	14.238.650	14.238.650							
14	NGUYỄN THỊ LÊ NA	63610000097422	NH TMCP BIDV, CN BM	14.151.194	14.151.194							
15	ĐÀO XUÂN HOÀNG	63610000097264	NH TMCP BIDV, CN BM	13.976.283	13.976.283							
16	LA THỊ BÍCH PHƯỢNG	63610000097459	NH TMCP BIDV, CN BM	16.197.635	16.197.635							
17	NGÔ THỊ KIỀU OANH	63610000094858	NH TMCP BIDV, CN BM	19.373.675	19.373.675							

Người ký: VƯƠNG XUÂN HỒNG
Ngày ký: 28/11/2024 15:51:11
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Hùng Vương
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao nhận trực tuyến

18	ĐẶNG MINH DŨNG	63610000097325	NH TMCP BIDV, CN BM	14.238.650	14.238.650								
19	NGUYỄN T. THU NHƯỜNG	63610000097176	NH TMCP BIDV, CN BM	14.151.194	14.151.194								
20	NGUYỄN T.THANH THÚY	63610000094849	NH TMCP BIDV, CN BM	13.976.283	13.976.283								
21	NGUYỄN DUY NHO	63610000097583	NH TMCP BIDV, CN BM	15.812.480	15.812.480								
22	TRẦN THỊ TRANG	63610000094797	NH TMCP BIDV, CN BM	14.063.738	14.063.738								
23	PHẠM THỊ HẰNG	63610000097237	NH TMCP BIDV, CN BM	17.637.807	17.637.807								
24	LÊ HỒNG CÔNG	63610000094964	NH TMCP BIDV, CN BM	17.176.342	17.176.342								
25	MAI CÔNG TƯỚC	63610000097158	NH TMCP BIDV, CN BM	14.697.964	14.697.964								
26	NGUYỄN HỒNG NGUYÊN	63610000097370	NH TMCP BIDV, CN BM	14.063.738	14.063.738								
27	ĐỖ THỊ THOA	63610000094900	NH TMCP BIDV, CN BM	13.976.283	13.976.283								
28	TRẦN VĂN HƯNG	63610000097413	NH TMCP BIDV, CN BM	15.062.478	15.062.478								
29	HỒ TUẤN LAI	63610000097103	NH TMCP BIDV, CN BM	15.449.430	15.449.430								
30	TRẦN THỊ HOA	63610000097398	NH TMCP BIDV, CN BM	15.449.430	15.449.430								
31	NGUYỄN VĂN MINH	63610000094830	NH TMCP BIDV, CN BM	23.677.462	23.677.462								
32	NGUYỄN THỊ NGÂN HÀ	63610000097440	NH TMCP BIDV, CN BM	15.900.859	15.900.859								
33	NGUYỄN THỊ HUẾ	63610000097282	NH TMCP BIDV, CN BM	13.976.283	13.976.283								
34	PHẠM THỊ KIM LIÊN	63610000097404	NH TMCP BIDV, CN BM	15.544.771	15.544.771								
35	TRẦN THỊ NGUYỆT	63610000097255	NH TMCP BIDV, CN BM	19.607.846	19.607.846								
36	NGUYỄN THỊ KIM MỸ	63610000097291	NH TMCP BIDV, CN BM	17.637.807	17.637.807								
37	NGUYỄN THỊ THUỲ LINH	63610000097361	NH TMCP BIDV, CN BM	14.151.194	14.151.194								
38	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	63610000097200	NH TMCP BIDV, CN BM	14.063.738	14.063.738								
39	BÙI NỮ THÙY TRANG	63610000094937	NH TMCP BIDV, CN BM	12.789.159	12.789.159								
40	NGUYỄN THỊ CẨM	63610000097194	NH TMCP BIDV, CN BM	14.063.738	14.063.738								
41	TRỊNH THỊ LOAN	63610000094946	NH TMCP BIDV, CN BM	17.073.115	17.073.115								
42	HOÀNG TÂN KHÁNH	63610000097097	NH TMCP BIDV, CN BM	18.759.884	18.759.884								
43	PHẠM THỊ BẰNG	63610000094955	NH TMCP BIDV, CN BM	18.648.772	18.648.772								
44	NGÔ XUÂN TRƯỜNG	63610000094991	NH TMCP BIDV, CN BM	18.648.772	18.648.772								
45	NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	63610000095213	NH TMCP BIDV, CN BM	18.648.772	18.648.772								
46	LÊ VĂN TÚ	63610000095000	NH TMCP BIDV, CN BM	16.969.889	16.969.889								
47	NGUYỄN THỊ HUYỀN	63610000097307	NH TMCP BIDV, CN BM	16.366.687	16.366.687								
48	PHẠM THỊ NHỊ	63610000097273	NH TMCP BIDV, CN BM	16.197.635	16.197.635								
49	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	63610000097334	NH TMCP BIDV, CN BM	11.315.295	11.315.295								
50	NGUYỄN MẠNH ĐẠT	63610000097352	NH TMCP BIDV, CN BM	13.225.448	13.225.448								
51	NGUYỄN T.KIM THANH	63610000094919	NH TMCP BIDV, CN BM	12.789.159	12.789.159								
52	PHẠM THỊ HUYỀN	63610000342539	NH TMCP BIDV, CN BM	14.826.194	14.826.194								
53	NGUYỄN VĂN VỮNG	63610000148311	NH TMCP BIDV, CN BM	8.612.730	8.612.730								
54	H' NƯCH BTÔ	63610000366690	NH TMCP BIDV, CN BM	8.612.730	8.612.730								
55	BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG	6310684944	NH TMCP BIDV, CN ĐL	8.612.730	8.612.730								
56	HUỲNH THỊ TỐ NHƯ	63610000495798	NH TMCP BIDV, CN BM	11.918.610	11.918.610								

57	PHAN THỊ XUÂN	63610000095028	NH TMCP BIDV, CN BM	9.887.670	9.887.670								
58	VĂN ĐỨC HẢI	63610000108184	NH TMCP BIDV, CN BM	8.917.560	8.917.560								
59	TRẦN THỊ PHÚC	63610000095107	NH TMCP BIDV, CN BM	8.320.185	8.320.185								
60	BẠCH HOÀNG LỆ	63610000095073	NH TMCP BIDV, CN BM	9.188.370	9.188.370								
61	NGUYỄN THỊ LAN	63610000588537	NH TMCP BIDV, CN BM	5.254.470	5.254.470								
II	**Đối với lao động HĐ thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**			**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1													
III	**Đối với lao động HĐ thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**			**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1													
IV	**Thanh toán cá nhân khác**			**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1													

Tổng số tiền bằng chữ: Chín trăm lẻ năm triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn không trăm bảy mươi chín đồng chẵn.....

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Ngày 28 tháng 11 năm 2024

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Văn Đức Hải	**Văn Đức Hải**	**Vương Xuân Hồng**
	KHO BẠC NHÀ NƯỚC	
Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên	*Ngày……tháng ……năm ……* **Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc lãnh đạo phòng được uỷ quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện**	